TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/DS-ST
Ngày 02-3-2021
V/v tranh chấp Hụi, Vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Sơn**
2. Ông **Lâm Ngọc Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Vẹn –** Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2020/TLST-DS ngày 24/8/2020 về tranh chấp "Hụi, vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 443/2020/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lý Văn C**, sinh năm 1973 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C.
2. Bị đơn: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1985 (vắng mặt).
Bà **Lương Cẩm D**, sinh năm 1987 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2020 và các lời khai tại tòa nguyên đơn ông Lý Văn C trình bày:

Vào ngày 10/01/2016 (âm lịch) bà Lương Cẩm D, ông Trần Văn Đ có mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 42 chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Ông Lý Văn C tham gia 02 chưng, đã hốt một chưng, còn lại 01 chưng hụi ông C đóng hụi được 36 lần với số tiền 36.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 12 năm 2018 bà D tuyên bố ngưng hụi. Ngày 30/6/2017 (âm lịch) bà Lương Cẩm D, ông Trần Văn Đ có mở dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 30 chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Ông Chiến tham gia 01 chưng, ông C đóng hụi được 18 lần với số tiền 36.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 12 năm 2018 bà D tuyên bố

ngưng hụi. Hai dây hụi ông C tham gia bà D, ông Đ còn nợ số tiền 72.000.000 đồng.

Ngoài ra năm 2016 ông Lý Văn C có cho ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D mượn số tiền 20.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lý Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lương Cẩm D, ông Trần Văn Đ trả cho ông C số tiền hụi 65.000.000 đồng, tiền mượn 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện tiền hụi số tiền 7.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 09 năm 2020 bị đơn bà Lương Cẩm D trình bày:

Bà Lương Cẩm D thừa nhận nợ tiền hụi ông C số tiền 72.000.000 đồng, bà D đã trả cho ông C số tiền 7.000.000 đồng. Bà D thừa nhận có mượn của ông C số tiền 20.000.000 đồng. Bà D đồng ý trả cho ông C tiền hụi, tiền mượn số tiền 85.000.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Trần Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp "Hụi, Vay tài sản" nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Trần Văn Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn bà Lương Cẩm D xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà D là phù hợp với quy định.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Lý Văn C khởi kiện bị đơn ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 65.000.000 đồng, tiền mượn 20.000.000 đồng. Xét đây là quan hệ pháp luật tranh chấp "Hụi", tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lý Văn C xác định dây hụi mở ngày 10/01/2016 (âm lịch) ông Lý Văn C tham gia 02 chưng, đã hốt 01 chưng, còn lại 01 chưng hụi ông C đóng hụi được 36 lần với số tiền 36.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 12 năm 2018 bà D tuyên bố ngưng hụi. Dây hụi mở ngày 30/6/2017 (âm lịch) ông C tham gia 01 chưng, ông C đóng hụi được 18 lần với số tiền 36.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 12 năm 2018 bà D tuyên bố ngưng hụi. Đồng thời năm 2016 ông Lý Văn C có cho ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D mượn số tiền 20.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nguyên đơn ông Lý Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lương Cẩm D, ông Trần Văn Đ trả cho ông C số tiền hụi 65.000.000 đồng, tiền mượn 20.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 01 tháng 09 năm 2020 bị đơn bà Lương Cẩm D thừa nhận nợ tiền hụi ông C số tiền 72.000.000 đồng, bà D đã trả cho ông C 7.000.000 đồng. Bà D thừa nhận có mượn của ông C số tiền 20.000.000 đồng. Bà D đồng ý trả cho ông C tiền hụi, tiền mượn số tiền 85.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng góp Hụi và hợp đồng Vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là có thực tế diễn ra và các bên đều thừa nhận. Nguyên đơn ông C yêu cầu bị đơn ông Đ, bà D trả số tiền hụi 65.000.000 đồng, tiền vay 20.000.000 đồng. Bị đơn bà D thừa nhận nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền hụi, tiền vay 85.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lý Văn C xác định theo như danh sách hụi thì chủ hụi là bà D nhưng việc bà D mở hụi ông Đ có biết và sau khi ngưng hụi thì giữa ông C và ông Đ, bà D có thỏa thuận với nhau, ông Đ hứa hẹn trả tiền cho ông C nhưng sau đó không thực hiện theo thỏa thuận. Xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn xác định sau khi bị đơn tuyên bố ngưng hụi thì giữa nguyên đơn và bị đơn ông Đ, bà D có thỏa thuận với nhau, ông Đ hứa hẹn trả nợ cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Tuy nhiên trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Văn Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy ông Đ đã thừa nhận nợ nên không có ý kiến gì. Do đó cần buộc ông Đ có trách nhiệm cùng với bà D trả tiền cho nguyên đơn là phù hợp. Từ những căn cứ nêu trên, căn cứ Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự, nguyên đơn ông Lý Văn C yêu cầu bị đơn bà Lương Cẩm D, ông Trần Văn Đ trả tiền hụi 65.000.000 đồng, tiền vay 20.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét đối với rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền hụi 7.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lý Văn C, buộc bị đơn ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D trả cho ông Lý Văn C số tiền hụi 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng), tiền vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Lý Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ, bà D không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn Đ, bà Lương Cẩm D phải chịu án phí số tiền 4.250.000 đồng. Nguyên đơn ông Lý Văn C không phải chịu án phí, ông C có nộp tạm ứng án phí số tiền 2.300.000 đồng, theo biên lai thu số 0011957 ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được hoàn lại.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Võ Minh Luân